

Bản án số: 54/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2026
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Thủ

Bà Nguyễn Thị Phụng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ Hương – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Đồng Tháp

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2026/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026 về việc: Tranh chấp hôn nhân gia đình – Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 148/2026/QĐST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Phước G, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Giàu có M, anh C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, lời khai tại tòa án nguyên đơn chị Tạ Phước G trình bày:

- Về hôn nhân: Chị G và anh C được mai mối, qua thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý cho tiến đến hôn nhân và chung sống với nhau. Chị G và anh C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp, theo giấy chứng nhận kết hôn số 04 quyển số 01/2011 cấp ngày 18/01/2011. Thời gian sống chung với nhau vợ chồng đã có xảy ra bất hòa, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống, cả hai không còn nói chuyện với nhau, hiện tại vợ chồng đã ly thân hơn 06 tháng nay, cả hai không còn liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể hàn gắn được nên chị Tạ Phước G yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trường T, sinh ngày 28/5/2012, hiện đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn chị G yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn C đã đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông L không có văn bản ý kiến, ông L không tham gia hòa giải và cũng không có văn bản ý kiến gửi về Tòa án. Tòa án triệu tập ông L để tham gia phiên hòa giải và xét xử nhưng ông L vẫn không có mặt không lý do.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

Nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau:

- 01 Căn cước công dân tên Tạ Phước G (Bản photo);
- 01 Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao);
- 01 Giấy khai sinh Nguyễn Trường T (Bản sao);
- 01 Văn bản ý kiến của Nguyễn Trường T (Bản chính)

Các tài liệu trong hồ sơ có trong hồ sơ đã được công khai và đã thông báo cho đương sự vắng mặt được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tạ Phước G yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn C nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện đang cư trú tại xã M, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về tố tụng, xét thấy: Bị đơn là anh Nguyễn Văn C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung:

[4.1]. Về hôn nhân: Chị Tạ Phước G yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị G và anh C kết hôn và sống chung với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 18 tháng 01 năm 2011 nên hôn nhân giữa chị G và anh C là hợp pháp. Trong quá trình sống chung hai bên đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bất đồng quan điểm sống nên tình cảm nhạt dần, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng ly thân khoảng 06 tháng nay, không ai có ý hàn gắn tình cảm. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Nguyễn Văn C tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng lại vắng mặt không có lý do cũng như không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm đối với yêu cầu ly hôn của chị Tạ Phước G.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Tạ Phước G.

[4.2]. Về con chung: Chị G và anh C có 01 con chung tên Nguyễn Trường T, sinh ngày 28/5/2012. Hiện đang sống chung với chị G. Khi ly hôn chị G yêu cầu được nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng là cần xem xét điều kiện phát triển và chăm sóc con chung. Do con chung hiện đang sống chung với chị G ổn định về mọi mặt, được chăm sóc, phát triển tốt. Đồng thời, cháu T có nguyện vọng được sống chung với chị G. Nên giao con chung cho chị G nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về cấp dưỡng: Chị G là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị G không yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị G.

Chị Tạ Phước G và anh Nguyễn Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[4.3]. Về tài sản chung: Chị Tạ Phước G trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4.4]. Về nợ chung: Chị Tạ Phước G trình bày không có.

[5]. Về án phí:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Chị Tạ Phước G phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị G đã theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0001709 ngày 28/01/2026** của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, 328 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Chị Tạ Phước G được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Chị G được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trường T, sinh ngày 28/5/2012, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị G không có yêu cầu.

Chị Tạ Phước G và Nguyễn Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Chị Tạ Phước G phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị G đã theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0001709 ngày 28/01/2026** của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 9;
- Tòa án Tỉnh;
- THADS Tỉnh Đồng Tháp
- UBND xã Mỹ Thọ;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Võ Thị Kim Hoa